

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HOÀ BÌNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 30/2024/DSST

Ngày 16/08/2024

“*V/v tranh chấp vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Hậu

2. Ông Lê Tài Ngoánh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 08 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/202024/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “*tranh chấp vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* - Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Số 126 đường Võ Thị Sáu, khóm 2, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Tuy, sinh năm: 1960

Địa chỉ: Số 241 đường Cách Mạng, khóm 9, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

* *Bị đơn:* - Bà Vũ Thị C, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Ấp 16, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* - Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Ấp 16, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ngày 06/01/2023 bà Vũ Thị

C cùng chồng là ông Nguyễn Văn P có vay của ông số tiền: 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*). Khi vay có làm giấy biên nhận vay tiền viết tay (*Biên nhận này ông đã cung cấp cho tòa án bản photo*); Hai bên thỏa thuận tiền lãi 1,6% /tháng; Thời hạn vay là 2 tháng. Từ khi vay đến nay thì hai vợ chồng bà C – ông P đã trả cho ông tới ngày 5/10/2023 là 40.000.000 đồng. Tới hạn ông đã trực tiếp đòi nợ nhiều lần nhưng bà C và ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông. Vì vậy nay ông yêu cầu hai vợ chồng bà C và ông P phải trả cho ông số tiền là: 307.680.000 đồng (*trong đó tiền vốn là: 300.000.000 đồng, tiền lãi 7.680.000 đồng*) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/11/2023 trở về sau cho đến khi trả hết nợ, kể cả tiền lãi trong thời gian thi hành án với lãi suất 1,6%/tháng.

Theo bị đơn bà Vũ Thị C trình bày: Vợ chồng bà có hỏi vay của ông Nguyễn Văn Q số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 06/01/2023. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3,5%/tháng và bà đã đóng tiền lãi cho ông Q được 6 tháng = 62.500.000 đồng. Bà trình bày hiện tại bà Trần Thu Nga có nợ bà, bà có ý kiến khi nào bà Nga trả tiền cho bà thì bà trả cho ông Q. Mặt khác bà yêu cầu đối trừ tiền lãi vào số tiền 300.000.000 đồng mà bà đã đóng cho ông Q

Tại phiên tòa:

- *Đại diện của nguyên đơn – Ông Nguyễn Hữu Tuy trình bày:* Ông Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc hai vợ chồng bà C và ông P phải trả cho ông số tiền là: 307.680.000 đồng (trong đó tiền vốn là: 300.000.000 đồng, tiền lãi còn nợ lại là 7.680.000 đồng tính ngày 06/01/2023 đến ngày 21/11/2023) và tiền lãi tính từ ngày 21/11/2023 là 1,6%/tháng cho đến ngày xét xử

- *Theo lời trình bày của bị đơn – bà Vũ Thị C:* Bà C thừa nhận có vay 300.000.000 đồng tiền gốc của ông Q và hai bên thỏa thuận lãi suất là 3,5%/tháng và bà đã đóng tiền lãi cho ông Q được 06 tháng = 62.500.000 đồng. Bà đồng ý trả nợ gốc 300.000.000 đồng cho ông Q. Bà yêu cầu được đối trừ số tiền lãi 62.500.000 đồng mà vợ chồng bà đã đóng cho ông Q vào số tiền gốc 300.000.000 đồng. Bà yêu cầu được áp dụng theo lãi suất Ngân hàng là 6%/năm cho bà.

* *Về phía người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan ông Nguyễn Văn P trình bày:* Ông P không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn cụ thể: Ông P xác nhận vợ chồng ông có hỏi vay của ông Nguyễn Văn Q số tiền gốc là 300.000.000 đồng lãi suất 3,5%/tháng chứ không phải 1,6%/tháng và vợ chồng ông đã đóng lãi được 06 tháng = 62.500.000 đồng. Ông đồng ý trả số nợ gốc 300.000.000 đồng cho ông Q, ông yêu cầu được đối trừ số tiền lãi 62.500.000 đồng mà vợ chồng ông đã đóng cho ông Q vào số tiền gốc 300.000.000 đồng; Ông yêu cầu được áp dụng theo lãi suất Ngân hàng là 6%/năm cho ông. Ngoài ra ông có ý kiến yêu cầu tòa án xem xét để bà Trần Thu Nga trả nợ cho ông vì hiện nay bà Nga còn nợ của ông 300.000.000 đồng đồng thời bà Nga cũng là người đứng ra bảo lãnh cho vợ chồng ông vay tiền của ông Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình trình bày:

- *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, xét thấy Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình không có ý kiến gì.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Quý đối với bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn P; Buộc bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn P phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Quý với số tiền gốc và lãi là 308.080.000 đồng; Án phí sơ thẩm dân sự bà Vũ Thị C, ông Nguyễn Văn P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- *Thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Văn Q có đơn khởi kiện tranh chấp tiền vay với bà Vũ Thị C. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn cư trú tại ấp 16, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] - Đối với số tiền gốc vay 300.000.000 đồng:

[1.1] Ngày 06/01/2023, bà Vũ Thị C cùng chồng là ông Nguyễn Văn P có vay của ông Quý số tiền: 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*). Khi vay có làm giấy biên nhận vay tiền viết tay, hai bên thỏa thuận tiền lãi 1,6% /tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình làm việc tại tòa án cả bà C và ông P đều thừa nhận có hỏi vay và trực tiếp nhận số tiền 300.000.000 đồng tiền gốc từ ông Nguyễn Văn Q.

[1.2] Đối chiếu theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh” thì bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn P đã thừa nhận những tình tiết, sự kiện mà phía ông Nguyễn Văn Quý đã đưa ra, nên ông Nguyễn Văn Quý không cần phải chứng minh là bà C, ông P có vay của ông Quý số tiền 300.000.000 đồng. Do đó có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Q buộc vợ chồng bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn P phải trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền gốc 300.000.000 đồng.

[2]. Về lãi:

[2.1] Đối với khoản tiền lãi từ ngày 06/01/2023 đến ngày 21/11/2023

[2.1.1] Tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu Tuy là đại diện theo ủy quyền của ông Q xác định từ ngày 06/01/2023 đến ngày 21/11/2023 vợ chồng bà C, ông P đã đóng cho ông được 40.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại của ông Q 7.680.000 đồng ($300.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\%/tháng = 4.800.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 50.400.000 \text{ đồng}$; Đã trả 40.000.000 đồng còn nợ lại 10.400.000 đồng, nhưng ông Quý chỉ yêu cầu bà C, ông P trả 7.680.000 đồng). Do đó ông Q yêu cầu vợ chồng bà C, ông P trả cho ông tiền lãi còn nợ lại là 7.680.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/11/2023 cho đến ngày tòa án xét xử theo mức lãi suất 1,6%/tháng. Về phía vợ chồng bà C, ông P xác định: Vợ chồng ông bà có vay của ông Nguyễn Văn Quý số tiền là 300.000.000 đồng, nhưng trong tờ biên nhận không ghi lãi suất, mà thỏa thuận miệng với nhau là lãi suất 3.5%/tháng và biên nhận nợ ông Q đã ghi thêm lãi suất 1,6%/tháng và việc hai bên thỏa thuận lãi suất 3,5 % tháng có bà Trần Thu Nga làm chứng; Đối với khoảng thời gian từ ngày 06/01/2023 đến ngày 21/11/2023 thì ông bà xác định đã đóng được 6 tháng tiền lãi = 62.500.000 đồng trong đó chuyển khoản qua Ngân hàng cho ông Quý 04 lần, 02 lần đưa tận tay không có làm biên nhận và không có ai làm chứng và yêu cầu được trừ vào nợ gốc 300.000.000 đồng.

[2.1.2] Đại diện nguyên đơn đồng ý một phần yêu cầu của vợ chồng bà C - ông P về việc trừ 4 tháng tiền lãi = $10.500.000 \times 4 \text{ tháng} = 42.000.000 \text{ đồng}$ vào số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng còn 2 tháng tiền lãi và các yêu cầu còn lại không đồng ý.

[2.1.3] Nguyên đơn cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất 1,6%/tháng, phía bị đơn không đồng ý và xác định lãi suất là 3,5%/tháng có nhân chứng là bà Trần Thu Nga và nguyên đơn đã ghi thêm vào biên nhận nợ về lãi suất 1,6%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy cả hai bên đều không thống nhất được về lãi suất thỏa thuận khi vay tuy nhiên về số tiền lãi mà nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q yêu cầu phía vợ chồng bà C, ông P trả phù hợp với lãi suất 1,6%/tháng ($300.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\%/tháng = 4.800.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 50.400.000 \text{ đồng}$; Đã trả 40.000.000 đồng còn nợ lại 10.400.000 đồng, nhưng ông Quý chỉ yêu cầu bà C, ông P trả 7.680.000 đồng), trong khi bà Nga trình bày khi ông Q cho vợ chồng ông P vay tiền thì bà không chứng kiến và ông Q chỉ đưa biên nhận cho bà ký như vậy việc vợ chồng bà C, ông P xác nhận vay tiền của ông Q với lãi suất 3,5% là không có cơ sở.

[2.1.4] Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”. Đối chiếu với quy định trên thì việc hai bên thỏa thuận lãi suất 1,6%/tháng là không trái với quy định của pháp luật nên yêu cầu tính lãi suất theo 1,6%/tháng của ông Nguyễn Văn Q là được chấp nhận, không chấp nhận yêu cầu áp dụng mức lãi suất 6%/năm của vợ chồng bà C, ông P.

[2.1.5] Vợ chồng bà C, ông P xác định đã đóng cho ông Q số tiền lãi 06 tháng = 62.500.000 đồng và về phía đại diện nguyên đơn đã đồng ý trừ 04 tháng = 42.000.000 đồng còn lại phải trả 7.680.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của phía bên nguyên đơn nên Hội Đồng xét xử ghi nhận chỉ buộc vợ chồng bà C, ông P phải trả

cho ông Q số tiền lãi còn nợ lại của mốc thời gian từ ngày 06/01/2023 đến ngày 21/11/2023 là 7.680.000 đồng. Còn đối với 2 tháng tiền lãi còn lại do vợ chồng bà C, ông P không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi từ ngày 21/11/2023 đến ngày xét xử 16/8/2024:

Số tiền lãi suất được tính như sau: 300.000.000 đồng gốc x lãi suất 1,6%/tháng x 08 tháng 25 ngày (Tính từ ngày 21/11/2023 đến ngày xét xử 16/8/2024) = 42.400.000 đồng.

[2.3] Như vậy tiền gốc và lãi tính đến ngày khởi kiện cụ thể như sau: 300.000.000 đồng (tiền vay gốc) + 7.680.000 đồng (tiền lãi nợ lại tính từ ngày 06/01/2023 đến ngày 21/11/2023) + 42.400.000 đồng (từ ngày 21/11/2023 đến ngày xét xử 16/8/2024) = 350.080.000 đồng.

[2.4] Đối trừ số tiền 42.000.000 đồng mà bà C, ông P đã đóng cho ông Quý, được tính như sau: 350.080.000 đồng - 42.000.000 đồng = 307.680.000 đồng.

[2.5] Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Quý đối với vợ chồng bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn P.

Buộc vợ chồng bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn P phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Quý với số tiền gốc và lãi là 307.680.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn P về việc xem xét buộc bà Trần Thu Nga trả nợ thay cho vợ chồng ông vì bà Nga là người đứng ra bảo lãnh cho vợ chồng ông vay số tiền 300.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Q và do bà Nga đang nợ vợ chồng ông số tiền 300.000.000 đồng. Xét thấy bản thân vợ chồng bà C, ông P đều thừa nhận có trực tiếp vay và nhận số tiền 300.000.000 đồng từ ông Q chứ không phải bà Nga nhận tiền nên bà Nga không có nghĩa vụ phải thay vợ chồng ông P trả nợ cho ông Q. Còn về việc bà Nga nợ tiền vợ chồng ông P thì vợ chồng ông P có thể khởi kiện bà Nga ở một vụ án độc lập khác. Đồng thời bà Nga cũng không có quyền lợi hay nghĩa vụ trong vụ án này nên không cần thiết phải đưa bà Nga tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án.

[4] Án phí sơ thẩm dân sự, bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn Q phải chịu là 307.680.000 đồng.x 5% = 15.384.000 đồng nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số

26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Quý đối với vợ chồng bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn P.

Buộc bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn P phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Quý với số tiền gốc và lãi là 307.680.000 đồng.

2. Án phí sơ thẩm dân sự, bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn P phải chịu 15.384.000 đồng nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu,
- VKSND huyện Hòa Bình.
- Chi cục THA dân sự huyện Hòa Bình
- Các đương sự.
- Lưu

Lê Thị Nam